

# ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI CẤP BỘ CỦA VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

PHẠM VĂN VANG\*

Đề tài cấp Bộ và cấp Viện là một trong 3 loại hình đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ ở nước ta (cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Viện). Từ những năm 1990, nhất là từ năm 2001 đến nay, sau khi *Quy chế quản lý hoạt động khoa học của Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia* (nay là Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) ban hành thực hiện, việc xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý các loại đề tài này ngày càng đi vào nền nếp, hiệu quả.

Tuy nhiên, thực tiễn thời gian qua cho thấy, do quan niệm về vai trò, vị trí của đề tài cấp Bộ và cấp Viện còn có ý kiến khác nhau, cho nên việc xây dựng, tổ chức thực hiện và cơ chế quản lý các loại đề tài này còn có điểm chưa thống nhất.

Trong hoạt động khoa học xã hội hiện nay, *đề tài cấp Viện ngày càng thể hiện rõ vai trò, vị trí quan trọng trong việc nghiên cứu cơ bản*, tạo tiền đề cho nghiên cứu ứng dụng, triển khai đi sâu nghiên cứu phục vụ các yêu cầu của đời sống thực tiễn; đồng thời kết hợp có hiệu quả hơn giữa nghiên cứu với đào tạo, nhất là đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, đào tạo chuyên gia trong từng lĩnh vực khoa học xã hội ở nước ta. Còn đề tài cấp Bộ cấp Nhà nước chủ yếu đi sâu nghiên cứu, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để giải quyết các yêu cầu của đời sống kinh tế - xã hội đất nước, nhất là trong giai đoạn trước mắt. Nói cách khác, *đề tài cấp Bộ*

---

\* TS. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

*cũng như cấp Nhà nước có vai trò, vị trí quan trọng trong việc nghiên cứu ứng dụng và triển khai.* Đương nhiên là nghiên cứu ứng dụng, triển khai trong khoa học xã hội *phải xuất phát trên nền tảng nghiên cứu cơ bản.* Bởi vậy, nghiên cứu cơ bản càng sâu thì hiệu quả phục vụ thực tiễn của nghiên cứu ứng dụng càng cao, đáp ứng nhiều yêu cầu và đòi hỏi bức xúc của đời sống thực tiễn trong quá trình đổi mới phát triển đất nước. Thực tiễn của Viện KHXH Việt Nam trong 20 năm đổi mới và phát triển vừa qua cho thấy, do ngày càng coi trọng nghiên cứu cơ bản, ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu cơ bản và coi đó là đầu tư cho phát triển, cho nên mọi kết quả nghiên cứu cơ bản của hệ đề tài cấp Viện chính là tạo điều kiện cho các đề tài cấp Bộ và cấp Nhà nước thực hiện tốt hơn chức năng nghiên cứu ứng dụng và triển khai, cung cấp hơn cơ sở lý luận và thực tiễn, các giải pháp và kiến nghị góp phần vào việc hoạch định đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ mới.

Bài viết này đi sâu *nghiên cứu, tổng kết đánh giá thực trạng việc thực hiện đề tài cấp Bộ của Viện KHXH Việt Nam trong 5 năm gần đây;* làm rõ những nguyên nhân khách quan và chủ quan của việc thành công và chưa thành công, đề xuất kiến nghị và giải pháp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện loại đề tài này trong thời gian tới.

## I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỆ ĐỀ TÀI CẤP BỘ THỜI GIAN QUA

1. Giai đoạn 2001 - 2005 Viện KHXH Việt Nam xây dựng và thực hiện khoảng 280 đề tài độc lập cấp Bộ. Trong số khoảng 280 đề tài, nhiệm vụ khoa học có tới *65-70% chủ nhiệm đề tài là cán bộ khoa học kiêm quản lý cấp Viện nghiên cứu chuyên ngành (Viện trưởng, Phó viện trưởng hoặc tương đương), 20-25% chủ nhiệm đề tài là cán bộ khoa học kiêm quản lý cấp phòng nghiên cứu. Số còn lại là cán bộ khoa học cốt cán và vài năm nay bắt đầu một số cán bộ khoa học trẻ được giao làm chủ nhiệm đề tài cấp Bộ.* Trong số chủ nhiệm đề tài cấp Bộ này, hầu hết đã có học vị tiến sĩ hoặc vừa có học vị tiến sĩ vừa có học hàm phó giáo sư, giáo sư. Số chủ nhiệm đề tài vừa có học vị, học hàm, vừa đạt trình độ nghiên cứu viên chính trở lên theo Quy chế quản lý hoạt động khoa học của Viện KHXH Việt Nam đạt 90-95%. Số chủ nhiệm đề tài có học vị thạc sĩ, hoặc là nghiên cứu viên chưa có học hàm, học vị khoa học chỉ đạt 5-10%. Như vậy, so với các thời kỳ trước, giai đoạn 5 năm gần đây, việc lựa chọn chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ đã có sự thay đổi theo Quy chế quản lý hoạt động khoa học của Viện đã ban hành. Đó cũng là *bước chuyển quan trọng, thực hiện tiêu chuẩn hoá cán bộ trong tổ chức thực hiện đề tài khoa học vì sự phát triển của các ngành khoa học xã hội.* Đồng thời cũng là bước đầu thử nghiệm giao cho một số cán bộ khoa học trẻ làm chủ nhiệm đề tài cấp Bộ để bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu cốt cán là cách

làm đúng đắn và hiệu quả theo phương thức đào tạo hiện nay của Viện KHXH Việt Nam.

Nhìn chung, giai đoạn 2001-2005, hệ thống đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ của Viện KHXH Việt Nam **đã huy động khá đông đảo đội ngũ các nhà khoa học trong và ngoài Viện tham gia**, bao gồm cả một số chuyên gia khoa học trong từng lĩnh vực khoa học xã hội.

- **Đề tài mang tính chất nghiên cứu lý luận, lý thuyết khoa học, tập hợp đội ngũ cán bộ nghiên cứu có chuyên môn sâu về lý luận và phương pháp luận chuyên ngành** cũng như liên ngành trong các lĩnh vực khoa học xã hội. Số lượng loại hình đề tài, nhiệm vụ này chiếm tỷ trọng khoảng 10-15% trong từng năm kế hoạch. Hệ thống đề tài này đã góp phần vào việc **đi sâu nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, đặc biệt là lý luận và tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn, trong điều kiện của Việt Nam**. Ngoài ra còn có lý luận về một số lĩnh vực khoa học xã hội chuyên ngành.

- **Đề tài mang tính chất điều tra, khảo sát, nghiên cứu thực tiễn, tập hợp khá đông đảo và đủ các loại cán bộ khoa học của nhiều thế hệ trong khoa học xã hội**. Vì nhiệm vụ của đề tài này, ngoài phần nghiên cứu lý thuyết, chủ yếu là tổ chức điều tra, khảo sát, nghiên cứu thực tiễn đã được xác định rõ đối tượng, phạm vi, quy mô nghiên cứu thực tiễn. Ngoài khung lý thuyết và cách tiếp cận của đề tài, việc xây dựng nội dung bảng hỏi, phỏng vấn sâu theo phương pháp xã hội học là rất quan trọng. Trên cơ sở tập huấn cho đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện đề tài, việc triển khai thực hiện điều tra, phỏng vấn theo bảng hỏi và phỏng vấn sâu đã thu hút khá nhiều đội ngũ cán bộ tham gia, bao gồm cả việc mời cộng tác viên ở các trường đại học và địa phương tham gia thực hiện. Khâu xử lý số liệu sau điều tra đòi hỏi huy động đội ngũ kỹ thuật viên chuyên nghiệp có trình độ tham gia thực hiện đề tài. Số lượng loại hình đề tài này chiếm tỷ trọng tương đối lớn, 25-30% trong từng giai đoạn kế hoạch. Trong các viện nghiên cứu chuyên ngành, loại hình đề tài này chủ yếu giao cho cấp phòng nghiên cứu hoặc cấp viện chuyên ngành trực tiếp chủ trì thực hiện và huy động cán bộ ngoài Viện tham gia theo tính chất liên ngành.

- **Đề tài mang tính chất kết hợp rõ rệt 2 nội dung cơ bản nghiên cứu lý luận và điều tra, khảo sát thực tiễn. Đây là loại hình đề tài mang tính chất đặc trưng trong khoa học xã hội, kết hợp khá rõ giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, triển khai trong khoa học xã hội**. Loại hình đề tài này, nhiệm vụ được giao cũng thể hiện 2 yêu cầu đòi hỏi phải đầu tư kinh phí và chất xám gần như nhau mới có thể thực hiện được. Lực lượng tham gia thực hiện loại hình đề tài này cũng bao gồm những cán bộ khoa học có trình độ, kể cả chuyên gia trong từng lĩnh vực khoa học xã hội tham gia thực hiện đề tài. Trong thực tế của hệ thống đề tài cấp Bộ của Viện KHXH Việt Nam thời gian

qua cho thấy, loại hình đề tài này cũng chiếm tỷ trọng tương đối lớn, 25-30% trong từng giai đoạn kế hoạch.

- **Đề tài thực hiện nhiệm vụ biên soạn công trình từ điển song ngữ hoặc đa ngữ, biên soạn các loại sách công cụ khác (như giáo trình, sách dịch, v.v...) phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, tra cứu trong khoa học xã hội.** Đây là loại hình đề tài rất quan trọng đối với sự phát triển của bản thân các ngành trong lĩnh vực khoa học xã hội; vì nó tạo điều kiện cho sự phát triển trong công tác nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học xã hội. Số lượng loại hình đề tài này chiếm tỷ trọng thấp nhất, 7-10% trong từng giai đoạn kế hoạch, tập hợp đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nhất định trong từng lĩnh vực khoa học xã hội tham gia.

- **Đề tài thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, cung cấp thông tin khoa học xã hội, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, quản lý, đào tạo cán bộ, phổ biến kiến thức, thuyết minh cơ sở khoa học về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước...** Đây cũng là loại hình đề tài, nhiệm vụ không kém phần quan trọng đối với đời sống nghiên cứu khoa học, quản lý cũng như đời sống thực tiễn xã hội. Loại hình đề tài này cũng có nhiều hình thức thể hiện tương ứng với các loại hình thông tin trong khoa học xã hội. Viện Thông tin Khoa học Xã hội là đơn vị thường xuyên thực hiện loại hình đề tài này. Các viện nghiên cứu chuyên ngành về thế giới, khu vực và về các quốc gia lớn như Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới, Viện NC Đông Nam Á, Viện NC Châu Mỹ, Viện NC Châu Âu, Viện NC Đông Bắc Á, Viện NC Châu Phi và Trung Đông, Viện NC Trung Quốc cũng thường xuyên thực hiện loại hình đề tài, nhiệm vụ này. Đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện cũng tương đối đông đảo. Nếu chỉ tính số đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ do Viện KHXH Việt Nam giao trực tiếp và thông qua tuyển chọn chiếm 10-15% tổng số đề tài, nhiệm vụ hàng năm. Song, nếu kể cả các nhiệm vụ khoa học khác mang tính chất thông tin như nhiệm vụ của Viện Thông tin Khoa học Xã hội mỗi năm ra mắt bạn đọc **12 sưu tập thông tin chuyên đề về những cái mới trong khoa học xã hội** mà giới khoa học xã hội cũng như nhiều người khác rất quan tâm thì số lượng còn lớn hơn rất nhiều. Vì bản thân các đề tài cấp Bộ, cấp nhà nước đều thực hiện các sưu tập thông tin chuyên đề.

2. Sản phẩm khoa học các đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ, bao gồm **Báo cáo tổng quan, báo cáo tóm tắt và đề xuất kiến nghị là đặc biệt quan trọng, thể hiện rõ kết quả nghiên cứu của mỗi đề tài, nhiệm vụ khoa học.** Báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu được Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở đánh giá, góp ý kiến hoàn thiện, sau đó Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ đánh giá, bỏ phiếu kín theo các mức: **xuất sắc, khá, đạt, không đạt.**

Giai đoạn 2001-2005, hầu hết các đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ của Viện KHXH Việt Nam đều thực hiện tốt các yêu cầu Báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu. Thông thường, để chuẩn bị xây dựng báo cáo tổng quan, chủ nhiệm các đề tài chủ động đề xuất đề cương, xây dựng các chuyên đề nghiên cứu theo yêu cầu nội dung của Báo cáo tổng quan. Công việc này được triển khai trước khi kết thúc Hợp đồng khoa học ít nhất 4-6 tháng, có những đề tài, nhiệm vụ chủ động chuẩn bị sớm hơn sau khi thực hiện các nhiệm vụ điều tra, khảo sát thực tiễn, xử lý tư liệu, tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học theo những vấn đề cơ bản mà đề tài phải giải quyết. Có một số đề tài, do những lý do nào đó không thực hiện được khâu chuẩn bị với thời gian trên, những đề tài đó thường chậm tiến độ triển khai, kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng khoa học. Và vì thế, chất lượng sản phẩm khoa học nói chung, Báo cáo tổng quan nói riêng không đảm bảo yêu cầu đặt ra của Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả cũng như mong muốn của chủ nhiệm đề tài. Hai năm gần đây, Viện KHXH Việt Nam yêu cầu nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ phải qua 2 cấp: *cấp cơ sở và cấp Bộ*. Hầu hết các đề tài, thường các nhà khoa học có trình độ, các chuyên gia khoa học có liên quan đến đề tài tham gia Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở nhằm bổ sung hoàn chỉnh nội dung khoa học của đề tài. Bởi vậy, Báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu sau khi nghiệm thu cấp cơ sở, trình lên Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ *đã được nâng cao rõ rệt về chất lượng*, đặc biệt là những đề xuất, kiến nghị đã đặt ra được những vấn đề vừa có tầm vĩ mô, vừa có tính khả thi đối với những vấn đề bức xúc của đời sống thực tiễn xã hội của nước ta hiện nay.

3. Tồn tại lớn nhất hiện nay trong việc quản lý, sử dụng kinh phí của đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ ở một số đơn vị trực thuộc là *thời gian thanh quyết toán còn chậm, chưa đảm bảo quy định của Luật ngân sách Nhà nước*. Ngoài những nguyên nhân về đơn giá chi tiêu chưa đáp ứng được yêu cầu của bản thân các hoạt động khoa học xã hội, còn có các thủ tục thanh toán tài chính rất rườm rà, phức tạp, chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học xã hội. Bản thân chủ nhiệm đề tài hoặc các nhà khoa học tham gia thực hiện cũng chưa nắm được đầy đủ quy định của luật tài chính - kế toán. Hơn nữa các nhà khoa học mới chỉ quan tâm đến các hoạt động khoa học mà chưa chú tâm đầy đủ đến các trách nhiệm và quyền hạn quản lý tài chính. Khi hết hạn thời gian quy định hoàn trả chứng từ thanh toán đề tài, nhiệm vụ khoa học thì mới dành thời gian, thực hiện các thủ tục thanh quyết toán. Đó là chưa nói đến, bản thân chủ nhiệm đề tài còn dành thời gian tham gia hoặc chủ trì một số đề tài, nhiệm vụ khoa học khác ở các cơ quan bên ngoài, kể cả các dự án hợp tác với nước ngoài, với các địa phương ở trong nước. Do đó việc nợ đọng tài chính có xu hướng tăng lên. Để khắc phục nhược điểm lớn nhất về thanh quyết toán chậm của các đề tài, nhiệm vụ khoa học, biện pháp mang tính khả thi và hiệu quả là *làm sao xây dựng và thực hiện được một cơ chế quản lý, cách thức thanh toán hợp pháp và hợp lý đối với khoa học xã hội, vừa gọn nhẹ nhưng lại chặt chẽ hơn. Đó là cơ chế khoán kinh phí theo đề tài, nhiệm vụ khoa học và thanh toán theo*

sản phẩm đầu ra của đề tài theo từng công đoạn được hoàn thành. Chúng ta sẽ trở lại và đi sâu hơn vấn đề này ở phần sau khi đề cập đến vấn đề đầu tư kinh phí cho đề tài cấp Bộ.

4. Theo quy định của Quy chế quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Viện KHXH Việt Nam, mọi đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ hết thời gian thực hiện ghi trong Hợp đồng khoa học đều phải tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu. Từ năm 2004, việc nghiệm thu đề tài theo 2 cấp: **cấp cơ sở và cấp Bộ**. Nhờ vậy, **chất lượng sản phẩm khoa học của các đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ đã được nâng cao rõ rệt**. Công tác quản lý khoa học thể hiện tính chất chặt chẽ, nghiêm túc hơn. Đây là một bước chuyển quan trọng trong công tác quản lý khoa học và phù hợp với quy chế, quy định chung của quản lý khoa học và công nghệ ở nước ta.

Hầu hết các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài cấp Bộ được thành lập và tổ chức thực hiện đều phù hợp, nghiêm túc. **Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài ra quyết định thành lập**, thường từ 5-7 thành viên. Nhiều cán bộ khoa học liên quan đến lĩnh vực đề tài nghiên cứu được mời tham gia hội đồng, trong đó có những chuyên gia khoa học thực sự. Nhờ vậy, những ý kiến đóng góp bổ sung, hoàn chỉnh Báo cáo tổng quan kết quả của đề tài được nâng cao. Tâm lý chung của các chủ nhiệm đề tài cũng như Thủ trưởng đơn vị chủ trì thực hiện đề tài cũng mong muốn mời các nhà khoa học có tên tuổi, có trình độ chuyên môn cao liên quan đến đề tài tham gia vào Hội đồng nghiệm thu cơ sở cũng không ngoài mục đích gì khác hơn là **nâng cao chất lượng kết quả nghiên cứu, đặc biệt là những đề xuất, kiến nghị của đề tài**.

**Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ do Chủ tịch Viện KHXH Việt Nam ra quyết định thành lập** trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng đơn vị chủ trì đề tài và ý kiến tư vấn của cơ quan quản lý khoa học của Viện. Đối với Hội đồng nghiệm thu này, Chủ tịch Viện mong muốn mời các nhà khoa học có trình độ, có uy tín liên quan đến nhiệm vụ đề tài nghiên cứu tham gia Hội đồng, đảm bảo tỷ lệ phù hợp giữa thành viên là cán bộ khoa học bên trong và bên ngoài Viện tham gia, nhất là các nhà khoa học có tên tuổi trong giới khoa học xã hội ở các viện nghiên cứu, trường đại học, cơ quan chỉ đạo, quản lý khoa học các cấp. **Mục đích là nhằm đánh giá đúng, khách quan kết quả nghiên cứu của đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ do Viện KHXH Việt Nam tổ chức thực hiện và đầu tư kinh phí**. Điều đó cũng có nghĩa là phản ánh trình độ quản lý, trình độ tổ chức thực hiện cũng như trình độ đội ngũ cán bộ khoa học của Viện như thế nào so với các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy và quản lý khoa học trong cả nước. Với những mục tiêu, yêu cầu đó, các Hội đồng nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ của Viện KHXH Việt Nam thời gian qua được thành lập và tổ chức thực hiện **cơ bản là tốt, đánh giá khách quan, nghiêm túc**. Vài ba năm gần đây, một số đề tài cấp Bộ nghiệm thu nhưng Hội đồng không tiến hành bỏ phiếu đánh giá kết quả do

chưa đạt yêu cầu về nội dung nghiên cứu, Chủ tịch hội đồng cho phép hoàn chỉnh thêm các sản phẩm và sẽ tổ chức nghiệm thu lại lần 2. Điều đó cũng nói lên tính chất nghiêm túc của Hội đồng nghiệm thu ở Viện KHXH Việt Nam.

Tuy nhiên, một số Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Bộ, chất lượng đánh giá còn thấp, một mặt do trình độ, năng lực của các thành viên tham gia Hội đồng còn hạn chế; mặt khác các thành viên Hội đồng còn tâm lý nể nang nên chất lượng đánh giá thiếu khách quan, cao hơn thực tế kết quả đề tài đạt được. Bởi vậy có thời kỳ, số lượng và tỷ lệ các đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ đạt **khá và xuất sắc rất cao** (từ 90-95%), trong đó tỷ lệ số đề tài đạt 100% số phiếu đánh giá xuất sắc trên 30-35%. Tỷ lệ số đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ nghiệm thu đạt mức trung bình và không đạt rất ít. Xuất phát từ thực trạng này, từ năm 2004, Viện KHXH Việt Nam tiếp tục đổi mới quản lý công tác đánh giá nghiệm thu đề tài cấp Bộ theo 2 cấp: **cấp cơ sở và cấp Bộ**. Và từ năm 2005 quy định thêm việc nghiệm thu xếp loại đánh giá đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ: **100% số phiếu đánh giá xuất sắc mới xếp loại kết quả xuất sắc. Bởi vậy, riêng năm 2005, tỷ lệ đề tài nghiệm thu đạt kết quả xuất sắc chỉ đạt 15-20%**. Và nếu những đề tài đạt kết quả xuất sắc được Hội đồng thi đua khen thưởng của Viện KHXH Việt Nam đề nghị Chủ tịch Viện khen thưởng **phải là những đề tài đạt kết quả xuất sắc nhưng thời gian thực hiện không kéo dài quá 3 tháng so với Hợp đồng đã được ký kết**. Hiện nay, **chất lượng của các Hội đồng nghiệm thu và việc tổ chức thực hiện việc nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ của Viện KHXH Việt Nam nêu trên nhìn chung khách quan, đảm bảo phản ánh đúng thực trạng nghiên cứu của hệ thống đề tài khoa học. Việc nợ đọng đề tài kéo dài thời gian thực hiện cũng được giảm dần rõ rệt**. Trong thời gian tới, nếu chú trọng hơn nữa những giải pháp quản lý mang tính đột phá, chắc chắn sẽ khắc phục được tình trạng nợ đọng kinh phí mà lâu nay chưa khắc phục được.

5. Ngoài các chương trình, đề tài độc lập cấp Nhà nước, **Viện KHXH Việt Nam là cơ quan chủ trọng đầu tư đối với các chương trình, đề tài cấp Bộ**. Từ những năm 1996 đến nay, Viện đã thực hiện 10 chương trình cấp Bộ và hàng năm xây dựng và thực hiện 40-50 đề tài độc lập cấp Bộ. Hệ thống đề tài cấp Viện đã được phân cấp cho các viện nghiên cứu chuyên ngành theo hướng **tập trung nghiên cứu cơ bản** trong từng lĩnh vực khoa học xã hội và Nhà nước. Theo đó, kinh phí đầu tư đối với các chương trình, đề tài cấp Bộ và cấp Viện cũng ngày một tăng lên theo tỷ lệ đầu tư đối với đề tài, nhiệm vụ độc lập cấp Nhà nước do Viện quản lý như sau:

Đơn vị: 1.000đ.

	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006
Đề tài độc lập và nhiệm vụ Nhà nước	3.526.000	6.847.700	5.716.667	13.674.000	Năm 2005	8.600.000
Chương trình, đề tài độc lập cấp Bộ	10.452.500	5.409.200	3.930.200	7.413.200	11.500.000	12.100.000
Đề tài cấp Viện	5.823.600	6.130.350	7.328.600	7.904.300	11.500.000	9.300.000

Tuy nhiên, *do nguồn đầu tư của Nhà nước cho khoa học xã hội nói chung, cho Viện KHXH Việt Nam nói riêng còn thấp, nên ảnh hưởng nhiều đến mức đầu tư cho từng đề tài.* Đối với các ngành khoa học và công nghệ, nguồn đầu tư tài chính từ các doanh nghiệp, tuy còn thấp, nhưng vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định. Trong khi đó, các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp FDI hầu như không đầu tư cho các đề tài, dự án của các ngành khoa học xã hội. Nguồn đầu tư từ các dự án ODA cũng như nguồn đầu tư từ các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ đối với khoa học xã hội cũng thấp so với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ. Nhiều lĩnh vực trong khoa học xã hội không có nguồn vốn ODA. *hầu như 100% từ nguồn ngân sách Nhà nước. Hơn nữa, tỷ trọng đầu tư cho khoa học xã hội hiện nay lại rất thấp, hàng năm, tỷ trọng đầu tư chỉ chiếm khoảng 18-20% trong tổng số đầu tư cho khoa học và công nghệ từ ngân sách Nhà nước.* Giai đoạn 1996-2000, lĩnh vực khoa học xã hội có 7 chương trình cấp Nhà nước gồm 70 đề tài, được đầu tư 35,6% tỷ đồng trong 5 năm, *binh quân chỉ chiếm 3,5%* trong tổng kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước. Giai đoạn 2001-2005, ban đầu triển khai thực hiện 8 chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước, gồm 79 đề tài, được đầu tư gần 61,8 tỷ đồng. Trong khi đó, đầu tư tài chính cho 11 chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước giai đoạn 1996-2000 tới 262,3 tỷ đồng, bình quân chiếm tới 25,5%, gấp khoảng 7,4 lần mức đầu tư cho các chương trình khoa học xã hội. Ngoài ra, *các ngành khoa học tự nhiên còn được đầu tư nghiên cứu cơ bản khoảng 4,1% (hàng năm chiếm 3,7-5,2%) trong tổng kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước. Trong khi các ngành khoa học xã hội loại đầu tư này đến nay vẫn chưa có.* Đó là chưa nói đến đầu tư kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác chiếm tới 55,4% (hàng năm chiếm từ 43,5 đến 67,5%) tổng đầu tư kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học - công nghệ cấp Nhà nước<sup>(1)</sup>. Như vậy, xét trên tổng thể mức đầu tư cho khoa học xã hội chỉ chiếm chưa đầy 1/5 tổng ngân sách Nhà nước đầu tư cho lĩnh vực khoa học và công nghệ nói chung. Còn xét riêng các nhiệm vụ khoa học xã hội cấp Nhà nước

được đầu tư còn thấp hơn nữa chỉ chưa đầy 10%. Trong khi nhiều nước trên thế giới, tỷ lệ đầu tư cho khoa học xã hội chiếm khoảng 1/3 trong các ngành khoa học và công nghệ. Mức đầu tư nói trên cho các chương trình, đề tài cấp Bộ và cấp Viện của Viện KHXH Việt Nam mỗi năm một tăng, tuy chưa đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, nhưng cũng *thể hiện rõ sự cố gắng lớn, việc coi trọng nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản cũng như nghiên cứu ứng dụng của Viện KHXH Việt Nam phục vụ các yêu cầu cấp thiết của đời sống thực tiễn mà công cuộc đổi mới đất nước đặt ra.*

Viện KHXH Việt Nam cũng là cơ quan khoa học đầu tiên trong lĩnh vực khoa học xã hội *xây dựng căn cứ xác định đầu tư kinh phí cho các hoạt động khoa học, trong đó có định mức đầu tư kinh phí theo loại hình đề tài nghiên cứu cấp Bộ.* Từ cuối những năm 90 của thế kỷ trước, Viện đã tổ chức nghiên cứu *xác định các yếu tố cấu thành chi phí cho từng loại hình đề tài khoa học, đồng thời trên cơ sở đó, xác định định mức chi tiêu cho một số lĩnh vực hoạt động trong khoa học xã hội.* Nhờ vậy, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (nay là Viện KHXH Việt Nam) đã ban hành *hệ thống đơn giá chi tiêu cho các hoạt động khoa học, sau đó được bổ sung, sửa đổi và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia* (Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam được đổi tên) *tiếp tục ban hành thực hiện hệ thống đơn giá đó* trong toàn Trung tâm. Giai đoạn 1991-1995, căn cứ vào hệ thống đơn giá chi tiêu cho các hoạt động khoa học của Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường lúc bấy giờ cho phép áp dụng trong các cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội, kể cả các chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước về khoa học xã hội được hình thành từ giai đoạn 1991-1995.

Các yếu tố cấu thành chi phí của từng loại hình đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ, tuy có sự khác nhau nhất định, nhưng về cơ bản vẫn có những điểm chung trong kết cấu chi phí với những yếu tố cơ bản sau đây:

- Xây dựng đề cương: 5-7%.
- Kkhai thác tư liệu: 20-25%.
- Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thực tiễn: 50-60%.
- Tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học: 10-15%.
- Biên soạn Báo cáo tổng quan, Báo cáo tóm tắt và kiến nghị: 10-15%.
- Chế bản và in ấn kết quả đề tài phục vụ quá trình nghiên cứu và nghiệm thu: 3-5%.
- Nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu: 5-7%.

Cơ cấu chi phí trên đây của mỗi đề tài có sự thay đổi theo 5 loại hình đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ nêu trên do tính chất, đặc điểm của từng loại hình đề tài quy định, trong đó tỷ lệ thay đổi 2 yếu tố chủ yếu: *khai thác tư liệu đã có và điều tra, khảo sát, nghiên cứu thực tiễn*; các yếu tố còn lại, về cơ bản đều tương tự nhau của các loại hình đề tài, nhiệm vụ. Dựa trên những căn cứ khoa học này, Viện KHXH Việt Nam đã *đầu tư kinh phí cũng như xác định mức chi cho các loại hình hoạt động khoa học xã hội*.

*Giai đoạn 1991-1995, sau khi nghiên cứu xác định các yếu tố cấu thành chi phí của mỗi loại hình đề tài, Viện KHXH Việt Nam đã quyết định đầu tư theo 5 loại hình đề tài độc lập cấp Bộ bước đầu với các mức như sau:*

- Đề tài mang tính chất nghiên cứu lý luận, lý thuyết khoa học: *25-30 triệu*.
- Đề tài mang tính chất điều tra khảo sát, nghiên cứu thực tiễn: *65-70 triệu*.
- Đề tài mang tính chất kết hợp rõ rệt nghiên cứu lý luận và điều tra khảo sát thực tiễn: *45-50 triệu*.
- Đề tài thực hiện nhiệm vụ biên soạn công trình từ điển song ngữ hoặc đa ngữ (theo số lượng mục từ để quyết định mức đầu tư nhưng không quá mức đầu tư cho loại cao nhất nêu trên trong thời gian 3 năm).
- Đề tài thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, cung cấp thông tin được đầu tư tương tự như loại thứ nhất.

*Mức đầu tư trên đây được tăng lên trong giai đoạn 1996-2000 theo cơ cấu chi phí từng loại hình đề tài, nhưng nói chung, mức đầu tư cho mỗi loại đề tài đều tăng gần gấp đôi tương ứng với 3 loại mức là: 40-60 triệu; 80-90 triệu; 120-140 triệu.*

*Giai đoạn 2001-2005, mức đầu tư cho mỗi loại hình đề tài trên còn cao hơn nữa do nguồn đầu tư cho hệ thống đề tài cấp Bộ được tăng lên, số đề tài cấp Bộ được đầu tư từ 40 đến 90 triệu đồng chiếm tỷ trọng khoảng hơn 55%, số đề tài được đầu tư từ 100 triệu đến mức cao nhất (690 triệu) chiếm 45% so với tổng số đề tài. Mức đầu tư trung bình cho mỗi đề tài cấp Bộ giai đoạn 2001-2004 là 115 triệu đồng. Riêng năm 2005, có đến 60 đề tài được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp bổ sung cho kế hoạch 2005 và đưa vào kế hoạch 2006, mức đầu tư bình quân cao hơn: 120-130 triệu đồng cho một đề tài (chưa tính kinh phí quản lý). Mức đầu tư nêu trên là cao hơn 4-5 lần so với mức đầu tư cho một đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ nói chung của các cơ quan nghiên cứu về khoa học xã hội. Nếu so với các trường đại học hiện nay (15-20 triệu đồng/đề tài) thì mức đầu tư cho đề tài cấp Bộ của Viện KHXH Việt Nam cao hơn 7-8 lần<sup>(2)</sup>.*

Tuy nhiên, qua điều tra nghiên cứu, tổng kết thực tiễn đầu tư kinh phí cho hệ thống đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ thời gian qua của Viện KHXH Việt Nam cũng đã cho thấy, rất nhiều đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ, *mức đầu tư nói trên chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, trong đó đáng chú ý ở 2 khâu quan trọng: (1) khai thác tư liệu đã có và (2) điều tra, khảo sát nghiên cứu thực tiễn.*

## II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI CẤP BỘ TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở đánh giá thực trạng ưu, nhược điểm của việc thực hiện chương trình, đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ của Viện KHXH Việt Nam thời gian qua, *để nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc đầu tư và tổ chức thực hiện chương trình, đề tài cấp Bộ trong thời gian tới*, Viện KHXH Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp kiến nghị chủ yếu sau đây:

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược và kế hoạch dài hạn, 5 năm của Viện KHXH Việt Nam, căn cứ vào nhiệm vụ Đảng và Chính phủ giao hàng năm, hệ thống đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ hàng năm cần được xây dựng trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu trực thuộc kết hợp với đặt hàng, giao nhiệm vụ của Chủ tịch Viện là phù hợp. Hệ thống đề tài này *cần được triển khai trước tháng 6 hàng năm để đưa vào kế hoạch năm sau* cùng với việc giao dự toán cho từng đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ vào tháng 12 năm hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Những đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ đột xuất do Đảng và Nhà nước giao sẽ được bổ sung theo “cơ chế mềm” do Chủ tịch Viện quyết định.

2. Việc *lựa chọn tiêu chuẩn chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì thực hiện cần tuân thủ Quy chế hoạt động khoa học của Viện KHXH Việt Nam đã ban hành*. Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc quy định chủ nhiệm đề tài là nghiên cứu viên chính và cán bộ có học vị từ tiến sĩ trở lên cần xem xét thêm (vì năm 2005 đã giao cho một số thạc sĩ làm chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ). Đặc biệt, *trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học quy định* đối với một cán bộ khoa học đủ điều kiện giao làm chủ nhiệm đề tài cấp Bộ, đề tài độc lập cấp Nhà nước và dự án *không vượt quá 2 đề tài, nhiệm vụ trong cùng một thời gian, vẫn chưa được thực hiện một cách nghiêm ngặt. Đây cũng là một nguyên nhân làm cho một số đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ kéo dài thời gian thực hiện so với Hợp đồng đã ký kết và theo đó, tình trạng thanh quyết toán kinh phí chậm của một số đề tài so với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước vẫn chưa khắc phục được.*

3. Cơ quan quản lý khoa học của Viện KHXH Việt Nam *cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra*, kết hợp với Thủ trưởng đơn vị chủ trì đề tài để tháo gỡ những khó khăn vì những lý do khách quan hay chủ quan đối với nhưng đề tài không có khả năng hoàn thành được tiến độ hoặc nhiệm vụ được giao. Cần

sửa đổi Hợp đồng khoa học về việc kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ đi đôi với báo cáo tài chính trở thành những điều ràng buộc trách nhiệm giữa 2 bên (A và B) một cách nghiêm túc hơn.

**4. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển chọn và nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ.** Khẳng định **lich trình đăng ký và tuyển chọn đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ** từ tháng 6 cho đến tháng 10 hàng năm, trong đó tháng 6 và 7 là đề xuất, xét duyệt đề tài, nhiệm vụ; còn tháng 8, 9, 10 là tuyển chọn, bảo vệ đề cương, ký kết hợp đồng đối với từng đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ<sup>(3)</sup>. **Đổi mới hơn nữa phương thức tuyển chọn, giao đề tài nghiên cứu khoa học nhằm lựa chọn đúng người, đủ tiêu chuẩn làm chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ, dự án** và đơn vị chủ trì thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và Quy chế quản lý hoạt động khoa học của Viện KHXH Việt Nam. Đây là biện pháp hết sức quan trọng nhằm giảm thiểu những rủi ro trong đầu tư đối với khoa học - công nghệ nói chung, đối với khoa học xã hội nói riêng. Cần áp dụng phương thức tuyển chọn chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ, dự án và đơn vị chủ trì thực hiện trên nguyên tắc **công khai, bình đẳng, dân chủ**. Xây dựng và tăng cường áp dụng “cơ chế cạnh tranh” lành mạnh khi tuyển lựa chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ, dự án. Xác định rõ và khuôn giới hạn đối với những loại đề tài, nhiệm vụ, dự án điều tra, nghiên cứu khoa học thuộc diện giao trực tiếp. Đó là các đề tài, nhiệm vụ khoa học mà chỉ có một nơi đủ khả năng, năng lực đảm nhiệm (như nhiệm vụ khoa học thuộc về bảo mật quốc gia, những nhiệm vụ khoa học có tính nhạy cảm không nên phổ biến rộng rãi). Còn đại bộ phận các loại đề tài, nhiệm vụ, dự án điều tra nghiên cứu khoa học **nên tiến hành tuyển chọn theo phương thức “đấu thầu” công khai, dân chủ, bình đẳng**.

**Việc tổ chức nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ cũng cần đổi mới hơn nữa**, không nhất thiết phải tập trung theo thời gian nhất định. Song, **về nguyên tắc, phải hoàn thành nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ cũ mới được đăng ký bảo vệ đề tài mới**. Do đó việc nghiệm thu đề tài có thể rải đều trong năm nhưng cần tập trung từ tháng 1 đến tháng 5 (đề tháng 6 và 7 đăng ký đề tài mới đưa vào kế hoạch năm sau). Những đề tài, nhiệm vụ nghiệm thu sau thời gian tập trung nói trên sẽ được bổ sung vào tháng 9 nếu có điều kiện. Còn chủ yếu là chuẩn bị cho kế hoạch năm sau nữa. Có như vậy **mới chủ động được việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ; đồng thời cũng rải đều nhiệm vụ tuyển chọn, và nghiệm thu đối với đội ngũ cán bộ khoa học cốt cán khi được mời tham gia vào các Hội đồng tuyển chọn, nghiệm thu đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ**.

**Về phương thức đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu đối với đề tài nghiên cứu về KHXH cũng cần được tiếp tục đổi mới**. Phương thức nghiệm thu theo 2 cấp: cấp cơ sở và cấp Bộ như hiện nay hoàn toàn thích hợp, nâng cao rõ rệt chất lượng đánh giá kết quả đem lại của đề tài, nhiệm vụ khoa học. Song, đó mới chỉ là kết quả đánh giá về mặt định lượng và cũng mới chỉ

*là đánh giá về mặt lý thuyết.* Việc đánh giá chất lượng một công trình khoa học xã hội không hoàn toàn giống với các công trình nghiên cứu về khoa học tự nhiên và khoa học - kỹ thuật, càng không thể giản đơn như xem xét giá trị sử dụng của một loại hàng hóa thông thường nào đó. Sản phẩm của khoa học xã hội là một loại sản phẩm khác biệt, thể hiện tính chất lao động sáng tạo của tư duy, rất khó lượng hoá hiệu quả của kết quả nghiên cứu, vì đó *thường là những ý tưởng, kiến nghị giải pháp có ý nghĩa đối với hoạt động thực tiễn và gắn với đường lối và chính trị.* Bởi vậy, *hiệu quả của nghiên cứu khoa học xã hội mang tính tổng hợp của nhiều loại hiệu quả, trong đó quan trọng nhất là hiệu quả chính trị - xã hội.* Hơn nữa, tác động của các sản phẩm khoa học xã hội đem lại đối với xã hội thường là *rộng lớn, lâu dài và mang tính toàn diện,* nhất là khi những đề xuất kiến nghị của đề tài nghiên cứu được sử dụng, góp phần vào việc hoạch định đường lối, chính sách, xây dựng các kế hoạch kinh tế - xã hội - văn hóa của đất nước. Bởi vậy, *không thể thuần túy nhìn vào những kết quả đem lại trước mắt, hoặc chỉ đơn thuần xét về bình diện hiệu quả kinh tế, mà phải trên quan điểm hiệu quả tổng hợp, lâu dài và toàn diện, trong đó đặc biệt chú ý tới hiệu quả chính trị - xã hội.* Cho nên, cần phải có những quy trình, phương thức đánh giá, nghiệm thu kết quả thích hợp. Ngoài phương thức đánh giá công khai của Hội đồng nghiệm thu như hiện nay, mà cần phải đề cao hơn nữa trách nhiệm của Hội đồng trong việc đánh giá nghiệm thu, nhất là những kết luận khoa học của mình trước các cơ quan quản lý Nhà nước về khoa học công nghệ các cấp, *còn phải kết hợp với phương thức đánh giá (phân biện) kín (giữa người đánh giá và người được đánh giá) và đánh giá độc lập (giữa các thành viên đánh giá)...* nhằm tăng tính khách quan, trung thực và nghiêm túc trong việc đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học. Theo chúng tôi, *phải tiến tới tổ chức việc đánh giá phải do một cơ quan độc lập* nằm ngoài cơ quan quản lý các cấp mới thực sự khách quan, có những khả năng đáp ứng được các yêu cầu của việc đánh giá các công trình khoa học xã hội đặt ra. Quy trình đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, nhiệm vụ khoa học nói chung, khoa học xã hội nói riêng *không nên dừng lại như việc đánh giá hiện nay* sau khi đề tài, nhiệm vụ khoa học hoàn thành, *mà phải tiếp tục đánh giá ở những thời điểm tiếp theo để xác định rõ hiệu quả kinh tế - xã hội của đề tài, nhiệm vụ khoa học.* Sau 5-10 năm hoặc dài hơn, kể từ khi đề tài, nhiệm vụ khoa học hoàn thành và nghiệm thu, *cần đánh giá mức độ chấp nhận của xã hội đối với kết quả của đề tài đem lại* trên các tiêu chí: mức độ thừa nhận của xã hội, phạm vi ứng dụng kết quả nghiên cứu sau khi sản phẩm khoa học được công bố? Bao nhiêu tổ chức, cá nhân sử dụng kết quả vào thực tiễn hoặc trích dẫn vào các công trình nghiên cứu, giáo trình giảng dạy, hoặc văn bản quản lý? Trong thời gian 5-10 năm sau khi đề tài, nhiệm vụ khoa học hoàn thành và nghiệm thu, nếu tiến hành đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của đề tài, nhiệm vụ khoa học, tức là khoa học đã được qua thực tiễn kiểm nghiệm chân lý, sẽ thấy rất rõ những giá trị khoa học đích thực của đề tài, nhất là những kết luận

khoa học, những đề xuất, kiến nghị được các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách, các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan quản lý sản xuất và doanh nghiệp... nêu rõ tác dụng của sản phẩm để tài đem lại. Và trên cơ sở này, sẽ có cơ sở đánh giá, xét tặng các danh hiệu cao quý như giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước đối với những công trình khoa học và công nghệ thực sự có ý nghĩa đối với khoa học cũng như đối với xã hội và đất nước.

**5. Cần đổi mới hơn nữa cơ chế tài chính công theo hướng tăng cường tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học xã hội trên cơ sở “khoán chi” kinh phí thường xuyên và “khoán gọn” kinh phí cho đề tài, nhiệm vụ khoa học.** Trước mắt, Viện KHXH Việt Nam cần tiếp tục hoàn chỉnh những căn cứ đầu tư kinh phí cho các loại hình đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ trong điều kiện hiện nay. Trong đó cần chú ý các yếu tố cấu thành chi phí của đề tài là *nhân tố chuẩn bị và khai thác những tư liệu đã có và điều tra, khảo sát, nghiên cứu thực tiễn (đặc biệt hiện nay là chi phí cho việc hội nhập, khảo sát ở nước ngoài)*. Cần đi sâu nghiên cứu các yếu tố chi phí nhưng phải áp dụng phương thức đầu tư theo giao khoán, trước mắt là các Hợp đồng khoán việc theo nội dung của đề tài. Về lâu dài, nếu được Nhà nước cho phép áp dụng phương thức *“khoán gọn kinh phí” và thanh toán theo sản phẩm của đề tài* sẽ tạo những điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học không mất nhiều thời gian vào việc thanh quyết toán tài chính, có nghĩa là dành thêm nhiều thời gian cho công tác nghiên cứu, sáng tạo và khám phá khoa học.

**Để nâng cao chất lượng, hiệu quả các sản phẩm KHXH, khắc phục một cách căn bản nhược điểm nợ đọng thanh quyết toán tài chính các đề tài khoa học hiện nay đòi hỏi phải thực hiện một chế tài mới và những giải pháp giải pháp đồng bộ nêu trên theo nhiều phương diện của việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ.** Thực hiện việc kiểm tra thường xuyên và đột xuất, khuyến khích thực sự sáng tạo, kiên quyết xử lý những vi phạm hợp đồng khoa học, chắc chắn sẽ tạo ra một chuyển biến mới về chất trong nghiên cứu KHXH ở nước ta nói chung, ở Viện KHXH Việt Nam nói riêng.

#### Chú thích

1. Xem Dương Bá Phương: *Một số ý kiến về đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học xã hội*. Tạp chí NC Kinh tế, số 331 (12/2005), tr. 53.
2. Giai đoạn 1991-2000, bình quân mức đầu tư kinh phí cho một đề tài nghiên cứu khoa học nói chung là 45,7 triệu đồng, cho đề tài khoa học tự nhiên là 66,8 triệu đồng, trong khi đó cho đề tài khoa học xã hội chỉ là 27,7 triệu đồng.
3. Tháng 6, 7 đề xuất và xét duyệt danh mục đề tài, nhiệm vụ để đưa vào kế hoạch của từng đơn vị phù hợp với thời gian xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách của Viện KHXH Việt Nam.